

NỘI DUNG HỌC TẬP MÔN NGŨ VĂN KHỐI 11. TUẦN 16

(20/12-25/12/2021)

THỜI GIAN	NỘI DUNG KIẾN THỨC	HÌNH THỨC
Tuần 16	<i>Vĩnh biệt Cửu trùng đài</i> (trích) - Nguyễn Huy Tưởng	Xem nội dung bên dưới SGK
	<i>Tình yêu và thù hận</i> (trích) - U. Sếch - xpia	Xem nội dung bên dưới SGK
	Ôn tập Văn học	Xem nội dung bên dưới SGK

VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI

(Trích kịch “*Vũ Như Tô*”) – Nguyễn Huy Tưởng

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả

- Nguyễn Huy Tưởng (1912-1960), xuất thân trong gia đình Nho học, quê ở Từ Sơn, Bắc Ninh

- Nguyễn Huy Tưởng có thiên hướng khai thác đề tài lịch sử, có đóng góp nổi bật ở mảng kịch và tiểu thuyết

- Văn phong: giản dị, trong sáng, thâm trầm, sâu sắc

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác

- vở kịch *Vũ Như Tô* gồm 5 hồi viết về một sự kiện xảy ra ở Thăng Long khoảng năm 1516 – 1517.

-Tác phẩm được viết xong vào mùa hè năm 1941, tựa đề vào tháng 6 năm 1942.

b. Tóm tắt nội dung vở kịch: SGK

c. Xuất xứ: Đoạn trích thuộc hồi thứ V (*Một cung cấm*) của vở kịch.

d. Ý nghĩa nhan đề:

- **Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài** cũng là vĩnh biệt vẻ đẹp cao siêu, lí tưởng mà con người (trong những hoàn cảnh nhất định) khó lòng đạt tới. **Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài** cũng nhằm kết thúc mọi oán thán, hận thù của con người do nó mà trở nên lao khổ hay độc ác.

- Nhan đề tác phẩm chứa đựng nhiều ẩn ý nhưng cũng là một lời chào vĩnh biệt trực tiếp sự huỷ diệt của đài Cửu Trùng.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Những mâu thuẫn cơ bản trong vở kịch

- Mâu thuẫn giữa phe nổi loạn và phe hôn quân Lê Tương Dực.

+ Phe nổi loạn gồm nhiều nhân vật: dân chúng, thợ xây; các nhân vật này đã xuất hiện từ những đoạn trước.

- Xuất hiện qua lời của Đan Thiềm: *Dân gian đói kém nổi lên tứ tung, ... khi dân nổi lên, họ nông nổi vô cùng.*

- Xuất hiện qua lời của tên nội gián: *Thợ xây Cửu Trùng Đài quá nửa theo về quân phản nghịch.*

+ Phe đối lập trong triều đứng đầu là Trịnh Duy Sản, sau Trịnh Duy Sản là Ngô Hạch, An Hòa Hầu.

⇒ Mâu thuẫn trong hồi V đạt đến đỉnh điểm và được giải quyết trọn vẹn: Trịnh Duy Sản, Ngô Hạch giết chết Lê Tương Dực. Đây là mâu thuẫn bị chi phối bởi các mâu thuẫn khác. Và đây cũng là mâu thuẫn cơ bản, thâm sâu, căn cốt đẩy xung đột lên đến đỉnh điểm.

- Mâu thuẫn giữa phe Trịnh Duy Sản với Kim Phụng và các cung nữ:

+ Trịnh Duy Sản coi Kim Phụng và các cung nữ là phương tiện hành lạc của vua Lê Tương Dực, chính vì vậy mâu thuẫn này cũng được đẩy lên đến đỉnh cao.

+ Kim Phụng và các cung nữ đã lái sự căm ghét đó sang Đan Thiềm, Vũ Như Tô để mong thoát tội, mong thoát khỏi sự trừng phạt của phe nổi loạn.

- Mâu thuẫn giữa nhân dân, thợ thuyền và Vũ như Tô:

+ Một bộ phận lớn thợ xây Cửu Trùng Đài tham gia nổi loạn do bị đói khổ, bị áp bức đến nghẹt thở. Họ oán hận triều đình, oán hận Vũ Như Tô. Họ cho rằng chính ông là thủ phạm.

+ Vũ Như Tô say sưa với công trình nghệ thuật, quên cả thực tế lòng dân. Đến khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, Vũ Như Tô vẫn cho mình là vô tội, còn muốn chứng minh sự quang minh chính đại của mình, còn hi vọng thuyết phục được An Hòa Hầu.

2. Bi kịch của Vũ Như Tô

- Là một kiến trúc sư tài ba, sống gắn bó với nhân dân và luôn có khát vọng cao đẹp là điểm tô cho đất nước.

- Bị hôn quân Lê Tương Dực bắt xây Cửu Trùng Đài để làm nơi ăn chơi hưởng lạc với các cung nữ. Vũ Như Tô không những không chấp thuận mà còn lớn tiếng chửi mắng hôn quân.

- Đan Thiềm thuyết phục Vũ Như Tô xây Cửu Trùng Đài, lợi dụng tiền bạc và quyền lực của Lê Tương Dực để xây một tòa lâu đài điểm tô cho đất nước, để nhân dân nghìn sau còn hãnh diện.

- Vũ Như Tô đã dốc hết tâm huyết, tài năng và sức lực để xây dựng Cửu Trùng Đài. Ông đã cố gắng xây dựng một công trình bền vững như trăng sao, có thể tranh tinh xảo với hóa công.

- Nhưng đài xây càng cao thì nhân dân càng oán hận. Bởi để hoàn thành công trình, Vũ Như Tô đã cho thu thêm thuế, tróc nã thợ giỏi, giết những người bỏ trốn,...

- Lợi dụng tình hình đó, quân đối nghịch trong triều đình đã khiêu khích thợ thuyền làm phản. Họ nổi dậy giết chết Lê Tương Dực, Vũ Như Tô, Đan Thiềm và đốt phá Cửu Trùng Đài.

- Bi kịch của Vũ Như Tô chính là mâu thuẫn giữa khát vọng cao đẹp của ông và thực tế xã hội. Ông là người sống gắn bó với nhân dân nhưng chính nhân dân nổi dậy và hủy hoại công trình ông đã dốc tâm sức xây dựng và giết chết ông.

- Trong khi đó, Vũ Như Tô vẫn còn đắm chìm trong ảo tưởng của mình, ông muốn sống chết cùng Cửu Trùng Đài, vì ông coi đó là lẽ sống của chính mình.

→ Mâu thuẫn giữa con người xã hội và con người nghệ thuật trong Vũ Như Tô. Khát vọng nghệ thuật của Vũ Như Tô đã làm cho biết bao mảnh đời phải chịu cảnh lầm than, khổ khó. Có thể nói đó là khát vọng chân chính nhưng đặt không đúng chỗ, không hợp thời, không tính đến giá trị cuộc sống.

⇒ Thông qua bi kịch của Vũ Như Tô, nhà viết kịch Nguyễn Huy Tưởng đã khẳng định mối quan hệ giữa cuộc đời và nghệ thuật. Nếu nghệ thuật không gắn bó với cuộc

đòi, không phục vụ cho lợi ích của nhân dân thì nó chẳng khác nào “*bông hoa nhuộm đầy máu*”, nó đi ngược lại nghệ thuật chân chính.

3. Nhân vật Đan Thiềm

- Là một con người biết trân trọng cái đẹp, trân trọng người tài: Thuyết phục vũ Như Tô xây Cầu Trùng Đài để điểm tô cho đất nước; thuyết phục Vũ Như Tô bỏ trốn để bảo toàn tính mạng trong cơn biến loạn.

- Chính tấm lòng trân trọng người tài đã đẩy Đan Thiềm vào bi kịch. Bi kịch của Đan Thiềm cũng nảy sinh từ mâu thuẫn giữa khát vọng và hiện thực: Thuyết phục Vũ Như Tô xây Cầu Trùng Đài là Đan Thiềm đã có tội với nhân dân, nàng đã trở thành “*thủ phạm*” đẩy nhân dân rơi vào cơn khốn đốn.

- Cuối cùng Đan Thiềm cũng bị giết chết cùng với khát vọng còn dang dở.

III. Tổng kết

1. Giá trị nội dung

Qua tấn bi kịch của Vũ Như Tô, tác giả đã đặt ra vấn đề sâu sắc, có ý nghĩa muôn thủa về mối quan hệ giữa nghệ thuật với cuộc sống, giữa lí tưởng nghệ thuật thuần túy cao siêu muôn đời với lợi ích thiết thân và trực tiếp của nhân dân.

2. Giá trị nghệ thuật

- Mâu thuẫn kịch tập trung dẫn đến cao trào, phát triển thành đỉnh điểm với những hành động kịch dồn dập đầy kịch tính.

- Ngôn ngữ kịch điêu luyện, có tính tổng hợp cao.

- Xây dựng nhân vật kịch đặc sắc, khắc họa rõ tính cách, miêu tả đúng tâm trạng qua ngôn ngữ và hành động.

- Lối kịch trong hồi V được chuyển một cách linh hoạt, tự nhiên, logic, liền mạch tạo nên sự hấp dẫn và lôi cuốn người đọc.

TÌNH YÊU VÀ THÙ HẬN

(Trích kịch ***Romeo và Juliet***) – Uy-li-am Sếch-xpia

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả

- Uy-li-am Sếch-xpia (1564 – 1616) sinh ra tại nước Anh.

- Năm 1578 gia đình sa sút, ông buộc phải thôi học.

- Năm 1585 ông lên Luân Đôn kiếm sống và bắt đầu sự nghiệp nghệ thuật.

- Năm 1612 ông rời Luân Đôn về quê sinh sống.
 - U. Sếch-xpia viết hơn 40 vở kịch, tất cả đều dưới dạng thơ, và được chia thành ba loại: hài kịch, bi kịch, kịch lịch sử
 - Tác phẩm của ông là tiếng nói của lương tri tiến bộ, của tự do, của lòng nhân ái bao la và của niềm tin bất diệt vào khả năng hướng thiện và khả năng vươn dậy để khẳng định cuộc sống con người.
- ⇒ Công hiến của U. Sếch-xpia in đậm dấu ấn lên kịch nghệ và văn chương các thế hệ sau.

2. Tác phẩm

- a. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác
- Vở kịch **Rô-mê-ô and Giu-li-ét** được viết vào khoảng những năm 1594 – 1595, dựa trên câu chuyện có thật về mối hận thù giữa hai dòng họ Môn-ta-ghiu và Ca-piu-lét, tại Vê-rô-na (I-ta-li-a) thời trung cổ.
- Đoạn trích *Tình yêu và thù hận* thuộc hồi II, lớp 2 của vở kịch.
- b. Tóm tắt nội dung vở kịch: SGK

II. Đọc hiểu văn bản

*Tình yêu của đôi trẻ (Rô-mê-ô và Giu-li-ét) được đặt trong khung cảnh thơ mộng của một đêm trăng thần tiên, thiên nhiên vừa lãng mạn vừa êm đềm.

1. Hình thức lời thoại

- Sáu lời thoại đầu: độc thoại Rô-mê-ô và Giu-li-ét nói về nhau. Đối thoại trong độc thoại.
- Mười lời thoại sau: Lời đối thoại.
- Ngôn ngữ sinh động, biểu cảm, đậm thắm, yêu thương.

2. Tâm hồn say đắm của Rô-mê-ô

- Cảm nhận của Rô-mê-ô về Giu-li-ét
- + Nàng Giu-li-ét: mặt trời, vầng dương.
- + Đôi mắt ngôi sao lấp lánh.
- + Gọi Giu-li-ét là nàng tiên lộng lẫy.
- Rô-mê-ô có ước muốn là chiếc bao tay để được mơn trớn gò má Giu-li-ét.
- Rô-mê-ô choáng ngợp trước vẻ đẹp của Giu-li-ét.

⇒ Chính tình yêu mãnh liệt, bùng cháy trong chàng đã thôi thúc chàng thốt lên những cảm nhận đắm say về Giu-li-ét

- Khi gặp Giu-li-ét:

+ Sẵn sàng từ bỏ họ tên.

+ Nhờ sức mạnh của tình yêu mà Rô-mê-ô đến nơi tử địa, bất chấp mọi nguy hiểm.

+ Sự không có được tình yêu của Giu-li-ét.

⇒ Rô-mê-ô là một chàng trai mạnh mẽ đến với tình yêu một cách chân thành, đắm say, dám vượt lên trên mọi trở ngại, khó khăn để sống thật với những rung động của trái tim.

3. Tâm trạng của nàng Giu-li-ét

- Độc thoại:

+ Gọi tên Rô-mê-ô một cách tha thiết.

+ Băn khoăn, suy nghĩ về mối hận thù của hai dòng họ.

+ Dám thể hiện tình yêu quyết liệt, táo bạo.

→ Giu-li-ét bộc bạch một cách chân thành, đắm say.

- Đối thoại:

+ Lo lắng cho sự xuất hiện của Rô-mê-ô.

+ Kín đáo chấp nhận tình yêu của Rô-mê-ô.

→ Giu-li-ét là một cô gái trong sáng, chân thành đón nhận tình yêu, bất chấp sự thù hận của hai dòng họ.

⇒ Khát vọng được sống thật với những xúc cảm của chính mình.

II. Tổng kết

1. Giá trị nội dung: Thông qua câu chuyện tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét, tác giả ca ngợi và khẳng định vẻ đẹp của tình người, tình đời theo lí tưởng chủ nghĩa nhân văn.

2. Giá trị nghệ thuật

- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, đặc biệt thành công ở những đoạn độc thoại nội tâm.

- Cách nói, lối nói hồn nhiên của hai nhân vật, cách sử dụng lối nói của nhau để xóa đi sự ngăn cách mà hận thù tạo ra.

GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi trong SGK

Câu 1 (trang 204 sgk ngữ văn 11 tập 1):

a. Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 có sự phân hóa phức tạp thành nhiều bộ phận: văn học công khai và không công khai

- Văn học công khai tồn tại dưới sự kiểm soát của chính quyền thực dân, và phân hóa thành hai khuynh hướng chính: lãng mạn và hiện thực

* Văn học lãng mạn: tiếng nói giàu xúc cảm của các nhân vật, phát huy cao độ trí tưởng tượng, , diễn tả khát vọng ước mơ

+ Xem con người là trung tâm, khẳng định cái “tôi”, đề cao thể tục

+ Đề tài xoay quanh tình yêu, thiên nhiên, quá khứ thể hiện khát vọng vượt lên cuộc sống chật chội, tù túng

+ Phản ánh cảm xúc mạnh, tương phản gay gắt, biến thái tinh vi trong tâm hồn người

* Văn học hiện thực

+ Phơi bày bất công xã hội, phản ánh tình trạng khốn khổ của người dân

+ Những sáng tác của dòng văn học có tính chân thực cao, thấm đượm tinh thần nhân đạo

b, Văn học từ thế kỉ XX cách mạng tháng Tám với nhịp độ hết sức nhanh chóng, sự phát triển thể hiện rõ trong thơ trong phong trào Thơ Mới

- Nguyên nhân: do nhu cầu cấp bách của thời đại

+ Các vấn đề được đặt ra về đất nước, cuộc sống, con người và nghệ thuật, trước đó thời kì mới giải quyết

+ Sức sống của nền văn học được thúc đẩy bởi tình yêu nước, cách mạng suốt nửa thế kỉ.

Chính “cái tôi” cá nhân này là một trong những động lực tạo nên sự phát triển với nhịp độ hết sức nhanh chóng

+ Văn học cũng trở thành một thứ hàng hóa, trở thành nghề kiếm sống

Câu 2 (trang 204 sgk ngữ văn 11 tập 1):

Tiểu thuyết trung đại thường vay mượn đề tài, cốt truyện từ đề tài, cốt truyện của văn học Trung Quốc

+ Tập trung xây dựng cốt truyện li kì, hấp dẫn

+ Kết cấu lối chương hồi, theo công thức. Nhân vật thuật theo trình tự thời gian, nhân vật phân tuyến rõ ràng

+ Kết thúc có hậu

- Tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ chưa có nhiều. Hồ Biểu Chánh nhà tiểu thuyết đầu tiên khẳng định chỗ đứng của mình với nhiều tác phẩm với có tên tuổi

+ Tái hiện được bức tranh hiện thực xã hội Nam Bộ, đủ các tầng lớp trong xã hội

+ Mô phỏng cốt truyện phương Tây, còn mang nhiều nét của văn học trung đại

Câu 3 (trang 204 sgk ngữ văn 11 tập 1):

Vi hành của Nguyễn Ái Quốc, nó tình huống nhằm lẫn của đôi trai gái Pháp trong chuyến tàu điện ngầm: người An Nam (nhân vật tôi) và cho đó là Khải Định

→ Tình huống nhằm lẫn tưởng như vô lí, nhưng lại có lí, người Tây rất khó phân biệt được bộ mặt khác nhau của da vàng, nhờ sự nhằm lẫn Khải Định được miêu tả khách quan

- Tinh thần thể dục của Nguyễn Công Hoan tạo ra tình huống trào phúng:

Mâu thuẫn giữa chính quyền với người dân nghèo, giữa sự khuếch trương của bọn quan lại thực dân phong kiến ước mong xin nhà của người dân nghèo. Mỗi tình cảnh riêng lại có nét hài hước riêng

- Chữ người tử tù, Nguyễn Tuân đã xây dựng được một tình huống truyện độc đáo. Hai nhân vật Huân Cao- cầm đầu cuộc nổi loạn nhưng có tài, nhân cách thanh cao gặp quản ngục có tâm hồn nghệ sĩ, cuộc gặp gỡ nhau trong hoàn cảnh éo le để rồi họ thành tri âm, tri kỉ của nhau.

→ Tạo dựng tình thế gặp nhau giữa chốn ngục tù, tối tăm như bản, tạo nên cuộc kì ngộ đáng nhớ

Câu 4 (trang 204 sgk ngữ văn 11 tập 1):

Đặc sắc nghệ thuật ngắn Hai đứa trẻ:

- Hai đứa trẻ một trong những truyện ngắn đặc sắc nhất của Thạch Lam, giá trị hiện thực cao với tinh thần nhân đạo sâu sắc, thể hiện tài năng viết truyện ngắn bậc thầy

+ Câu chuyện chỉ kể về tâm trạng thao thức của Liên và An, mong mỏi chuyến tàu rực rỡ ngang qua

+ Ông chú trọng tập trung đi sâu vào nội tâm, cảm xúc của nhân vật

+ Thành công với thủ pháp nghệ thuật đối lập, tương phản, qua đó nhấn mạnh, khung cảnh nghèo nàn, vắng lặng của phố huyện

+ Truyện đặc sắc ở lối kể chuyện tỉ mỉ, tâm tình, thấm đượm chất thơ, với tâm hồn đôn hậu, tinh tế, sức nhạy cảm trước những biến thái nhỏ trong lòng người và vật

b, Đặc sắc nghệ thuật truyện ngắn của Nguyễn Tuân

- Tài năng nghệ thuật đặc sắc Nguyễn Tuân trong việc tạo dựng tình huống truyện độc đáo, nghệ thuật dựng cảnh, dựng người, tạo không khí trang trọng, việc sử dụng thủ pháp đối lập và ngôn ngữ tính chất tạo hình

- Nhân vật của ông thường có tính cách ngang tàng, tài năng, tâm hồn trong sáng, đó là biểu tượng về cái đẹp

- Ông miêu tả cảnh vật, không khí cổ kính, thiêng liêng của cảnh cho chữ, thể hiện tài năng ngôn ngữ điêu luyện, bút pháp đối lập trong tạo dựng cảnh, cảnh tượng hiện lên uy nghi, rục rờ

c, Đặc sắc truyện Chí Phèo

- Ngôn ngữ sinh động, điêu luyện, nghệ thuật, gần lời ăn tiếng nói hằng ngày
- Giọng điệu phong phú, biến hóa, có sự đan xen lẫn nhau. Cách trần thuật linh hoạt, linh hoạt chuyển vai và điểm nhìn.

Câu 5 (trang 204 sgk ngữ văn 11 tập 1):

Nét chính về nghệ thuật trào phúng của Vũ Trọng Phụng qua “Số đỏ”:

- Là cuốn tiểu thuyết hiện thực trào phúng, tố cáo xã hội thượng lưu bịp bợm, giả dối, chạy theo đồng tiền

- Xã hội tri thức, bản chất đầy mâu thuẫn trào phúng thể hiện:

- + Nhan đề chứa tính hài hước
- + Một tình huống trào phúng cơ bản, nhà văn triển khai mâu thuẫn theo nhiều tình huống khác nhau tạo nên một màn đại hài kịch phong phú và rất biến hóa

+ Thủ pháp đối lập làm nổi bật bản chất của nhân vật, xã hội

+ Giọng điệu miêu tả, mỉa mai, giễu nhại

+ Cách chơi chữ, so sánh bất ngờ, độc đáo

→ Bằng nghệ thuật trào phúng sắc bén trong Hạnh phúc một tang gia, tác giả phê phán thói trưởng giả, sự lố lăng, đồi bại của xã hội “thượng lưu” lúc bấy giờ

Câu 6 (trang 204 sgk ngữ văn 11 tập 1):

Mâu thuẫn của vở kịch: nhân dân lâm than với hôn quân bạo chúa và bọn phe cánh, đã được giải quyết triệu đề (Lê Tương Dực bị giết, Nguyễn Vũ tự sát, cung nữ bị bắt bớ)

Mâu thuẫn giữa quan điểm nghệ thuật cao siêu với lợi ích thiết thực, với thực trạng đói khổ của nhân dân, mâu thuẫn này chưa được giải quyết triệt để.

+ Vũ Như Tô có tội hay có công, Vũ Như Tô đúng hay những người giết Vũ Như Tô đúng

+ Tác giả thể hiện sự băn khoăn qua lời đề từ, bởi tác giả cùng một bệnh với Đan Thiềm

Câu 7 (trang 204 sgk ngữ văn 11 tập 1):

Quan điểm nghệ thuật của Nam Cao xuất phát từ ý thức sâu sắc, sự đòi hỏi cao trong sáng tạo của nhà văn đối với nghề

- Khẳng định được yêu cầu quan trọng đối với tác phẩm nghệ thuật, người nghệ sĩ phải khám phá ra cái mới

- Nam Cao diễn đạt điều đó bằng cách ngắn gọn với những liên tưởng hàm súc, giàu hình ảnh

- Sự nghiệp sáng tác của ông thực hiện nghiêm túc, hình ảnh người trí thức và người nông dân luôn mang nét mới

Câu 8 (Trang 204 sgk ngữ văn 11 tập 1):

Tình yêu của Romeo- Juliet diễn ra trong hoàn cảnh hai dòng họ có mối thù truyền kiếp

- Nỗi ám ảnh xuất hiện nhiều trong suy nghĩ Juliet, khiến nàng băn khoăn lo cho người yêu

- Thái độ của Rô-mê-ô ngày càng quyết liệt hơn, sẵn sàng từ bỏ dòng họ để tới với tình yêu.

---HẾT---